TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 111/2019/QĐST-HNGĐ	*Hải An, ngày 24 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 151/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Trần Thị Mai L; đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 4, xã PP, huyện LN, tỉnh HN; nơi ở: Xóm 11, thôn 4, xã HH, huyện LN, tỉnh HN;

Anh Trần Thanh N; đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 4, xã PP, huyện LN, tỉnh HN; nơi ở: Tiểu đoàn 2, Lữ đoàn thông tin 602 – Bộ tham mưu quân chủng Hải quân, đường LHP, quận HA, Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mai L và anh Trần Thanh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2016. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PP, huyện LN, tỉnh HN vào ngày 06/10/2016. Theo chị L và anh N xác nhận: Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến tháng 3/2017 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do có nhiều bất đồng trong cuộc sống từ

quan điểm đến suy nghĩ, lối sống. Cả hai không có tiếng nói chung, thường xảy ra cãi vã. Do công việc khiến anh chị không có điều kiện quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống thường ngày khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 7/2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt của đời sống. Nay chị L và anh N đều nhận thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên cả hai cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với thực trạng mâu thuẫn cũng như đời sống hôn nhân nên có căn cứ để chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị L và anh N có 01 con chung Trần Long P, sinh ngày 10/12/2016. Anh chị thống nhất thỏa thuận khi ly hôn: Chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị L và anh N là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh sinh hoạt và học tập hiện tại cũng như nguyện vọng của con chung nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh N thống nhất thỏa thuận: Anh N có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 đ (hai triệu đồng), kể từ tháng 5/2019 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị L và anh N tự nguyện chịu mỗi người 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành tại Trung tâm hòa giải – đối thoại tại Tòa án nhân dân quận Hải An (ngày 15/5/2019), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Thanh L và anh Trần Thanh N cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Giao con chung là Trần Long P, sinh ngày 10/12/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng anh N có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đ (hai triệu đồng), kể từ tháng 5/2019 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468, Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

Chị L và anh N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Chị L và anh N mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị L và anh N đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An theo Biên lai thu số 0005030 và 0005031 ngày 16 tháng 5 năm 2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA Dân sự quận Hải An;
- UBND xã Phú Phúc, huyện Lý Nhân, Hà N;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Mạnh